

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
(đã được kiểm toán)**



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	02-05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10-10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11-27



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2011 bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc ngày 31/12/2011.

### Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385, đăng ký lần đầu ngày 28/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/01/2010 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp số 873/HĐSN giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Xây lắp Incomex ngày 30 tháng 12 năm 2009 hai bên đồng ý việc sáp nhập Công ty Cổ phần Xây lắp Incomex vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn kể từ ngày 01/01/2010.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (không sản xuất, gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác: Tư vấn về môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Máy móc thiết bị cho sản xuất công nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Đại lý; Môi giới (trừ môi giới bất động sản)/.

### Các đơn vị trực thuộc

TT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Văn phòng Công ty	11 Bis Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh tại Hà Nội	Số 6, ngõ 168 Hà Nội, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 350.000.000.000 đồng, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần. Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp 35.000.000 cổ phần, giá trị 350.000.000.000 đồng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Trong đó:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8.712.500	87.125.000	24,89
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	2.600.000	26.000.000	7,43
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí - Idico Long Sơn	2.850.000	28.500.000	8,14
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2.625.000	26.250.000	7,50
5	Các Cổ đông khác	18.212.500	182.125.000	52,04
	Cộng	35.000.000	350.000.000	100

**Kết quả hoạt động riêng**

Lỗ phát sinh trong năm tài chính 2011 là 85.880.601.544 VND (Năm 2010 là lãi 32.009.138.302 VND)

Lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2011 là 84.881.292.423 VND (Năm 2010 là lãi 25.208.447.423 VND)

**Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

**Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm 2011 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông	Nguyễn Phi Hoàng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/04/2010
Ông	Phan Chí Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2010
Ông	Đình Văn Hưng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2010
Ông	Lê Lân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2010
Ông	Trần Mạnh Dũng	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2010

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm :

Ông	Dương Thành Tín	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18/04/2010
Ông	Phạm Minh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2010
Bà	Lê Thị Bích Tư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/03/2011

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP DẦU KHÍ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

## BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Phan Chí Trung	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/01/2010
Ông	Trần Đạo Đức	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/01/2010
Ông	Văn Mạnh Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/01/2010
Ông	Trịnh Xuân Hùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/04/2010

## Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2011, Công ty có công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản lưu động là 75.857.970.604 đồng. Điều này dẫn tới nghi ngờ của Kiểm toán viên về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty đã đánh giá và khẳng định rằng khả năng thanh toán đã được cải thiện trong năm 2012. Do đó Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty được Ban giám đốc lập dựa trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

## Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính 2011 bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc ngày 31/12/2011. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

---

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính 2011 bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



---

**Phan Chí Trung**

**Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2012

Số: 1528/BCKT-TC/NV5

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
Về Báo cáo Tài chính riêng năm 2011 của  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn lập ngày 26 tháng 03 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 07 đến trang 27 kèm theo.


Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.


**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Ngô Quang Tiến**  
Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0448/KTV



**Nguyễn Viết Long**  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0692/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, Ngày 29 tháng 03 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	TM	31/12/2011	Đơn vị tính: VND 01/01/2011
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.032.102.054.161</b>	<b>853.656.515.476</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	10.222.979.433	139.671.791.453
111	1. Tiền		10.222.979.433	31.671.791.453
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	108.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>598.241.069.220</b>	<b>432.118.944.857</b>
131	1. Phải thu khách hàng		224.422.466.344	338.107.213.004
132	2. Trả trước cho người bán		97.932.833.263	30.316.594.144
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD		243.868.214.347	36.741.523.064
135	5. Các khoản phải thu khác	V.02	32.017.555.266	26.953.614.645
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.03	<b>386.145.082.781</b>	<b>265.170.179.113</b>
141	1. Hàng tồn kho		386.145.082.781	265.170.179.113
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>37.492.922.727</b>	<b>16.695.600.053</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.079.801.135	2.865.640.020
152	3. Thuế GTGT được khấu trừ		255.878.719	145.471.388
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.04	3.169.268.387	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	V.05	31.987.974.486	13.684.488.645
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>425.985.471.144</b>	<b>198.772.909.197</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>64.721.857.155</b>	<b>31.923.081.118</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.06	40.516.869.212	30.971.282.005
222	- Nguyên giá		58.686.901.207	39.674.967.946
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(18.170.031.995)	(8.703.685.941)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.07	22.841.276.726	56.993.918
228	- Nguyên giá		24.016.595.925	119.825.125
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.175.319.199)	(62.831.207)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.08	1.363.711.217	894.805.195
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.09	<b>38.266.868.319</b>	<b>42.079.389.147</b>
241	- Nguyên giá		45.750.250.000	45.750.250.000
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(7.483.381.681)	(3.670.860.853)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>262.399.149.661</b>	<b>88.196.999.458</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.10	190.746.149.661	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.11	-	50.846.999.458
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.12	71.653.000.000	37.350.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>60.597.596.009</b>	<b>36.573.439.474</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	56.013.596.009	31.989.439.474
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.458.087.525.305</b>	<b>1.052.429.424.673</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2011	Đơn vị tính: VNĐ 01/01/2011
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.189.191.931.766</b>	<b>675.052.865.590</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.107.960.024.765</b>	<b>606.588.797.508</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.14	374.954.996.634	232.619.569.085
312	2. Phải trả người bán		272.726.411.503	201.422.144.490
313	3. Người mua trả tiền trước		118.128.960.074	35.935.874.111
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	71.207.511	14.094.426.902
315	5. Phải trả người lao động		20.134.315.436	9.778.303.166
316	6. Chi phí phải trả	V.16	131.828.358.715	16.440.207.708
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.17	185.830.110.576	91.642.373.394
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.18	3.725.220.198	4.644.630.542
321	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		560.444.118	11.268.110
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>81.231.907.001</b>	<b>68.464.068.082</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.19	2.691.374.749	2.691.374.749
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.20	65.610.592.350	38.413.341.721
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		887.233.263	524.698.919
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	V.21	12.042.706.639	26.834.652.693
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>268.895.593.539</b>	<b>377.376.559.083</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	<b>268.895.593.539</b>	<b>377.376.559.083</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		350.000.000.000	350.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.793.099.617	1.152.917.617
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.983.786.345	1.015.194.043
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(84.881.292.423)	25.208.447.423
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.458.087.525.305</b>	<b>1.052.429.424.673</b>



Giám đốc  
Phan Chí Trung  
TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng  
Lương Thị Mai Hương

Người lập biểu  
Võ Phạm Như Nguyệt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2011	Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng	VI.23	912.806.608.595	848.789.268.145
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng	VI.24	912.806.608.595	848.789.268.145
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.25	905.499.441.453	752.232.216.976
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		7.307.167.142	96.557.051.169
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	6.239.074.104	8.387.790.917
22	7. Chi phí tài chính	VI.27	54.980.858.202	17.980.686.175
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		54.980.858.202	17.980.686.175
24	8. Chi phí bán hàng		46.000.000	264.602.182
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		40.887.993.816	41.447.709.021
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(82.368.610.772)	45.251.844.708
31	11. Thu nhập khác	VI.28	1.185.635.770	49.937.165.816
32	12. Chi phí khác	VI.29	4.697.626.542	50.448.465.118
40	13. Lợi nhuận khác		(3.511.990.772)	(511.299.302)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(85.880.601.544)	44.740.545.406
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	12.731.407.104
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(85.880.601.544)	32.009.138.302
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.30	(2.454)	1.532



Giám đốc  
Phan Chí Trung  
TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng  
Lương Thị Mai Hương

Người lập biểu  
Võ Phạm Như Nguyệt

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Theo phương pháp gián tiếp  
Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ  
Năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(85.880.601.544)</b>	<b>44.740.545.406</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	1. Khấu hao tài sản cố định	14.455.810.452	7.828.372.459
03	2. Các khoản dự phòng	-	-
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	-	(7.801.946.354)
06	5. Chi phí lãi vay	54.980.858.202	17.980.686.175
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(16.443.932.890)</b>	<b>62.747.657.686</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(187.705.285.922)	(110.103.069.495)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(120.974.903.668)	(102.962.204.488)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	364.630.228.863	271.893.822.993
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(23.238.317.650)	21.389.432.090
13	- Tiền lãi vay đã trả	(53.029.303.431)	(17.980.686.175)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8.763.697.542)	(8.735.001.992)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(22.122.267.116)	(51.263.015.952)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(67.647.479.356)</b>	<b>64.986.934.667</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(77.337.824.743)	(95.555.907.829)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	130.699.800
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(625.746.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	532.746.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(139.235.260.203)	(88.196.999.458)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.239.074.104	7.801.946.354
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(210.334.010.842)</b>	<b>(268.820.261.133)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	220.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	539.620.771.308	318.651.565.748
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(370.088.093.130)	(203.340.333.591)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(21.000.000.000)	(692.909.302)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>148.532.678.178</b>	<b>334.618.322.855</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(129.448.812.020)</b>	<b>130.784.996.389</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>139.671.791.453</b>	<b>8.886.795.064</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>10.222.979.433</b>	<b>139.671.791.453</b>



Giám đốc  
Phan Chí Trung  
TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng  
Lương Thị Mai Hương

Người lập biểu  
Võ Phạm Như Nguyệt

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn là Công ty cổ phần được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305858385, đăng ký lần đầu ngày 28/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/01/2010 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp số 873/HĐSN giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Xây lắp Incomex ngày 30 tháng 12 năm 2009 hai bên đồng ý việc sáp nhập Công ty Cổ phần Xây lắp Incomex vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn kể từ ngày 01/01/2010.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (không sản xuất, gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Khảo sát trắc địa công trình; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Hoạt động trang trí nội thất; Hoạt động đo đạc bản đồ; Tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Hoạt động chuyên môn, khoa học, công nghệ khác: Tư vấn về môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Máy móc thiết bị cho sản xuất công nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Đại lý; Môi giới (trừ môi giới bất động sản) ./.

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính năm hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp giá trị khối lượng thực hiện, kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận. Kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn 4 điều kiện quy định tại chuẩn mực số 15 “Hợp đồng xây dựng”.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các Quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT RIÊNG**

**1 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VND

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Tiền mặt	5.977.539.000	1.160.107.099
Tiền gửi ngân hàng	4.245.440.433	30.511.684.354
Tiền gửi tại văn phòng Công ty	4.180.719.293	30.204.666.143
- Ngân hàng TMCP Xăng Dầu	92.523.845	527.284.155
- Ngân hàng Đầu Tư & Phát triển Bắc SG	-	170.579.660
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hà Nội	194.314.463	6.279.027.072
- Ngân hàng Quân Đội	1.323.722.292	53.795.138
- Ngân hàng VIB	190.489.545	2.034.259.346
- NH Công Thương Chương Dương	6.643.280	20.600.160.234
- NH TMCP Liên Việt - CN TP.HCM	128.539.234	47.599.089
- NH TMCP Phát Triển Nhà	117.846.961	376.895.972
- NH TMCP Công Thương Việt Nam	306.734.781	-
- NH TMCP Đại Dương - CN Sài Gòn	1.584.486.611	115.065.477
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	235.418.281	-
Tiền gửi tại Chi nhánh Hà Nội	64.721.140	170.704.281
- Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hà Nội	64.721.140	170.704.281
Tiền gửi tại Trung tâm Cơ Điện	-	136.313.930
- Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hà Nội	-	136.313.930
Tương đương tiền	-	108.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	108.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.222.979.433</b>	<b>139.671.791.453</b>

**2 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Phải thu khác tại văn phòng Công ty	12.353.623.896	870.107.950
Phải thu khác tại chi nhánh Hà Nội	19.663.931.370	26.083.506.695
<b>Cộng</b>	<b>32.017.555.266</b>	<b>26.953.614.645</b>

**3 . Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.515.604.230	111.246.116
Công cụ, dụng cụ	770.808.433	465.232.181
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	341.344.165.515	253.995.606.816
Hàng hóa bất động sản đầu tư	30.514.504.603	10.598.094.000
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>386.145.082.781</b>	<b>265.170.179.113</b>

**4 . Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (dư Nợ)	3.169.268.387	-
<b>Cộng</b>	<b>3.169.268.387</b>	<b>-</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5 . Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Tạm ứng tại Văn phòng	25.721.980.335	5.173.023.898
Tạm ứng tại Chi nhánh Hà Nội	4.657.554.151	4.441.131.747
Tạm ứng tại Trung tâm Cơ Điện	0	2.496.933.000
Tiền ký cược ngắn hạn tại Văn phòng	1.579.440.000	1.544.400.000
Tiền ký cược ngắn hạn tại Chi nhánh Hà Nội	29.000.000	-
Tiền ký cược ngắn hạn tại Trung tâm Cơ Điện	-	29.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.987.974.486</b>	<b>13.684.488.645</b>

**6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	Phương tiện Vận tải	Dụng cụ QL TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	2.700.491.217	25.936.606.763	8.696.301.580	2.341.568.386	39.674.967.946
Mua trong năm	1.750.044.545	16.536.036.725	222.052.727	629.919.946	19.138.053.943
Tăng khác	-	325.283.077	-	21.500.000	346.783.077
Giảm khác	-	(133.980.000)	-	(325.283.077)	(459.263.077)
Thanh lý	-	(13.640.682)	-	-	(13.640.682)
Tại ngày 31/12/2011	<b>4.450.535.762</b>	<b>42.650.305.883</b>	<b>8.918.354.307</b>	<b>2.667.705.255</b>	<b>58.686.901.207</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	845.157.812	5.104.798.257	1.720.226.382	1.033.503.490	8.703.685.941
Khấu hao trong năm	967.070.655	6.630.557.788	1.468.703.799	464.469.390	9.530.801.632
Giảm khác	-	(56.864.892)	-	-	(56.864.892)
Thanh lý	-	-	(7.590.686)	-	(7.590.686)
Tại ngày 31/12/2011	<b>1.812.228.467</b>	<b>11.678.491.153</b>	<b>3.181.339.495</b>	<b>1.497.972.880</b>	<b>18.170.031.995</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2011	1.855.333.405	20.831.808.506	6.976.075.198	1.308.064.896	30.971.282.005
Tại ngày 31/12/2011	<b>2.638.307.295</b>	<b>30.971.814.730</b>	<b>5.737.014.812</b>	<b>1.169.732.375</b>	<b>40.516.869.212</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 33.610.122.025  
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 411.093.670

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Bản quyền, sáng chế	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	-	-	119.825.125	-	119.825.125
Mua trong năm	-	23.896.770.800	-	-	23.896.770.800
Tại ngày 31/12/2011	-	23.896.770.800	119.825.125	-	24.016.595.925
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	-	-	62.831.207	-	62.831.207
Khấu hao trong năm	-	1.079.663.434	32.824.558	-	1.112.487.992
Tại ngày 31/12/2011	-	1.079.663.434	95.655.765	-	1.175.319.199
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2011	-	-	56.993.918	-	56.993.918
Tại ngày 31/12/2011	-	22.817.107.366	24.169.360	-	22.841.276.726

(\*) Giá trị quyền sử dụng đất tại xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

**8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2011	01/01/2011
Máy vận thăng	894.805.195	894.805.195
Chi phí san lấp kho Bình Chánh	468.906.022	-
<b>Cộng</b>	<b>1.363.711.217</b>	<b>894.805.195</b>

**9 . Bất động sản đầu tư**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm (*)
<b>Nguyên giá</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	45.750.250.000	-	-	45.750.250.000
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	3.670.860.853	3.812.520.828	-	7.483.381.681
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	42.079.389.147	-	-	38.266.868.319
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

(\*) Giá trị bất động sản đầu tư là tòa nhà PVC-SG tại số 11 Bis Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10 . Đầu tư vào Công ty con**

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	16.885.000	190.746.149.661	-	-
<b>Tổng</b>	<b>16.885.000</b>	<b>190.746.149.661</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200717899 ngày 12/12/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng chẵn). Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng là 73.78%.

- Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 06A - Ngô Thời Nhiệm - Phường Tân Lập - Thành phố Nha Trang

- Ngành nghề kinh doanh chính: Bất động sản, du lịch, nhà hàng, khách sạn.

**11 . Đầu tư vào Công ty liên kết**

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	-	-	4.498.978	50.846.999.458
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.498.978</b>	<b>50.846.999.458</b>

**12 . Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	3.035.000	30.350.000.000	3.035.000	30.350.000.000
Dự án chung cư cao tầng và DV thương mại CT10-11 Văn Phú	-	34.303.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>700.000</b>	<b>71.653.000.000</b>	<b>700.000</b>	<b>37.350.000.000</b>

**13 . Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
Giá trị Công cụ xuất dùng chờ phân bổ	56.013.596.009	31.989.439.474
<b>Cộng</b>	<b>56.013.596.009</b>	<b>31.989.439.474</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14 . Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Vay ngắn hạn tại Văn phòng Công ty	367.954.996.634	182.621.705.516
(1) Ngân hàng Đầu tư Hà Nội	35.876.985.772	40.346.567.711
(2) Ngân hàng Vietinbank, CN 8	146.043.334.653	-
(3) Ngân hàng Oceanbank	99.912.312.503	98.228.570.776
(4) Ngân hàng phát triển Nhà thành phố HCM	23.137.782.775	-
(5) Ngân hàng TMCP Bảo Việt	59.000.000.000	-
(6) Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	3.984.580.931	-
Công ty cổ phần tài chính Dầu khí	-	44.046.567.029
Vay ngắn hạn tại Chi nhánh Hà Nội	-	42.997.863.569
Ngân hàng Vietinbank Chương Dương	-	23.398.606.878
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	19.599.256.691
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.000.000.000	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>374.954.996.634</b>	<b>232.619.569.085</b>

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐNT ngày 01/07/2011 với hạn mức tối đa là 40 tỷ đồng; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và tài sản của bên thứ 3.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 54/2011/HĐNT ngày 24/06/2011 với hạn mức tối đa là 150 tỷ đồng; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và bảo lãnh của bên thứ 3.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0091/2011/HĐTD1-OCEANBANK03 ngày 12/10/2011 với hạn mức tối đa là 100 tỷ đồng; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo thư bảo lãnh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 148/10 ngày 30/08/2010 với hạn mức tối đa là 100 tỷ đồng; Bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng nguồn thu từ hợp đồng số 02/HĐKT/2010/PVPLS-PVC ngày 12/04/2010 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần Bất động sản điện lực dầu khí Việt Nam Phương Nam và Tổng Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí Sài Gòn.

(5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1032845A.HĐTD.HCM ngày 14/09/2011 với hạn mức tối đa là 60 tỷ đồng; phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay được đảm bảo tài sản của bên thứ 3.

**15 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	7.973.927.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.594.429.155
Thuế thu nhập cá nhân	71.207.511	526.069.834
<b>Cộng</b>	<b>71.207.511</b>	<b>14.094.426.902</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16 . Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Phải trả các công trình tại Văn phòng	121.708.351.470	12.919.709.907
<i>Dự Án Khu Đô Thị Hậu Giang</i>	8.197.431.960	406.540.115
<i>CT Mở rộng kho xăng dầu Nhà Bè</i>	1.368.550.387	-
<i>Tòa nhà VP 16 Trương Định</i>	-	3.249.856.070
<i>HM Phụ Trợ - NMĐ Nhơn Trạch II</i>	-	646.291.921
<i>PV Power Landmark An Quận 2</i>	81.758.737.064	-
<i>Bệnh viện điều dưỡng Thanh Hóa</i>	1.891.923.992	-
<i>CT Tòa Nhà Petroland- Khu đô thị đông thủ thiêm</i>	3.114.424.525	-
<i>CT Chung cư cao cấp Mỹ Q7</i>	676.252.554	3.023.454.612
<i>CT: Chung cư cao tầng Linh tây -Q.Thủ Đức</i>	693.033.918	3.761.108.404
<i>CT.Sân golf Nha Trang</i>	-	-
<i>CT Khang Thông Apartment Huỳnh Tấn Phát - Q7</i>	8.742.443.332	1.748.270.603
<i>CT Ngô Gia Tự - Hà Nội</i>	2.824.377.812	-
<i>Nhà máy xà phòng</i>	6.419.202.503	-
<i>CT Co.op Mark Trà Vinh</i>	69.089.340	-
<i>CT 409 Lĩnh Nam (Megastar)</i>	2.230.878.933	-
<i>CT Chung Cư B4 Kim Liên - Phần Thân</i>	1.675.288.379	-
<i>HM Các Khu vực và hệ thống chính trong xây dựng - NM điện Nhơn Trạch II</i>	76.242.000	-
<i>Chi phí chung Văn phòng Công ty</i>	18.920.000	-
<i>Lãi vay trích trước</i>	1.951.554.771	-
<i>135-137 Bùi Thị Xuân</i>	-	84.188.182
Phải trả tại chi nhánh Hà Nội	10.120.007.245	3.520.497.801
<b>Cộng</b>	<b>131.828.358.715</b>	<b>16.440.207.708</b>

**17 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Kinh phí công đoàn	571.511.971	366.082.259
Bảo hiểm xã hội	-	2.550.971
Bảo hiểm y tế	31.316.389	-
Bảo hiểm thất nghiệp	10.364.716	-
Phải trả Công ty CP xây dựng Sông Hồng	243.930.729	21.123.377.000
Phải trả Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (Mua lại dự án bất động sản tại Hậu Giang)	-	7.000.000.000
Phải trả Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Mua lại dự án bất động sản tại Hậu Giang)	-	10.000.000.000
Phải trả TCT Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam (Tiền vay mua cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư Hải Đăng)	179.912.859.769	40.677.599.566
Phải trả ban quản lý dự án đất đai Cà Mau	-	-
Phải trả Công ty CP Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.459.861.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.600.266.002	12.472.763.598
<b>Cộng</b>	<b>185.830.110.576</b>	<b>91.642.373.394</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18 . Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Khu TĐTT lô E nhà máy đạm Phú Mỹ		619.455.857
Công trình sửa chữa nhà khách Tập đoàn Dầu khí	248.691.505	248.691.505
Văn phòng phía nam Tổng Công ty XLĐK Việt Nam		99.796.890
Tòa nhà 16 Trương Định	217.559.151	357.343.878
Công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch II	2.609.807.530	2.613.600.000
CT Nhà Cộng đồng B7, B10 Kim Liên	37.524.400	
Trung Tâm Đăng Kiểm xe cơ giới 29-02V	242.301.852	
Tòa nhà Thủ Đô	-	56.580.400
Nhà công cộng B7, B10 Kim Liên	-	37.524.400
Trung Tâm Đăng Kiểm xe cơ giới 29-02V	-	242.301.852
Nhà ở 5 tầng Bộ Công An	369.335.760	369.335.760
<b>Cộng</b>	<b><u>3.725.220.198</u></b>	<b><u>4.644.630.542</u></b>

**19 . Phải trả dài hạn khác**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Nhận ký cược thuê phòng tại tòa nhà 11 Bis	2.691.374.749	2.691.374.749
<b>Cộng</b>	<b><u>2.691.374.749</u></b>	<b><u>2.691.374.749</u></b>

**20 . Vay và nợ dài hạn**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>65.610.592.350</b>	<b>38.413.341.721</b>
Vay dài hạn PVFC (*)	38.804.623.600	13.913.341.721
Vay dài hạn VIBank (**)	17.500.000.000	24.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>65.610.592.350</u></b>	<b><u>38.413.341.721</u></b>

(\*) Hợp đồng tín dụng số 18/2009/HMTD-TCĐK-CNHCM.TD ngày 27/10/2009 với số tiền nhận nợ lần này là 38.905.241.286 đồng; Thời hạn cho vay là 48 tháng; Lãi suất 12%/năm; Mục đích tài trợ vốn dự án Hậu Giang.

(\*\*) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0405/HMTD2-VIB625/10 ngày 22/04/2010 với số tiền là 35 tỷ đồng; Thời hạn cho vay là 60 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng một lần; Mục đích tài trợ một phần dự án đầu tư mua quyền sử dụng tòa nhà 11 Bis Nguyễn Gia Thiều. Tài sản thế chấp là tòa nhà tại 11 Bis Nguyễn Gia Thiều với giá trị 46.508.040.000 đồng.

(\*\*\*) Khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng số 0036/2010/HDDTD1-OCEANBANK03 ngày 04/10/2010, số tiền 20.800.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 48 tháng; Lãi suất lần giải ngân đầu 15% và điều chỉnh 03 tháng 1 lần; Mục đích vay: đầu tư mua máy móc thiết bị. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị được hình thành từ vốn vay, tổng giá trị: 41.698.868.800 đồng.

**21 . Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
CT Chung cư cao cấp Mỹ Phú Q7	-	17.409.090.909
CT Siêu thị Coop mart Trà Vinh	2.001.429.252	-
HM Các Khu vực và hệ thống chính trong xây dựng - NM điện	1.368.095.636	-
Phải thu khách, chi phí tòa nhà 11 Bis	8.173.181.751	8.925.561.784
Doanh thu chưa thực hiện chi nhánh HN	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.042.706.639</u></b>	<b><u>26.834.652.693</u></b>



(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22 . Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
<b>Năm trước</b>					
Tại ngày 01/01/2010	130.000.000.000	-	1.254.841.027	519.112.749	4.804.687.460
Tăng vốn năm trước	220.000.000.000	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	32.009.138.302
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	496.081.294	(11.605.378.339)
- Giảm khác	-	-	(101.923.410)	-	-
<b>Năm nay</b>					
Tại ngày 01/01/2011	350.000.000.000	-	1.152.917.617	1.015.194.043	25.208.447.423
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(85.880.601.544)
Phân phối quỹ	-	-	640.182.000	968.592.302	(3.209.138.302)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	350.000.000.000	-	1.793.099.617	1.983.786.345	(84.881.292.423)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011		Vốn đã góp tại ngày 01/01/2011	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	87.125.000.000	24,89	62.125.000.000	17,75
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	26.000.000.000	7,43	26.000.000.000	7,43
Công ty cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Dầu khí - Idico Long Sơn	28.500.000.000	8,14	28.500.000.000	8,14
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	26.250.000.000	7,50	26.250.000.000	7,50
Vốn các cổ đông khác	182.125.000.000	52,04	207.125.000.000	59
<b>Cộng</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2011	Năm 2010
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	350.000.000.000	130.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	220.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>350.000.000.000</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.000.000	35.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000đ/ICP	10.000đ/ICP

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
Quỹ đầu tư phát triển	1.793.099.617	1.152.917.617
Quỹ dự phòng tài chính	1.983.786.345	1.015.194.043
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.776.885.962</b>	<b>2.168.111.660</b>

**VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD RIÊNG**

**23 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	842.351.183.167	824.313.962.286
Doanh thu kinh doanh bất động sản	54.712.648.031	12.492.079.703
Doanh thu cho thuê nhà	15.742.777.397	11.983.226.156
Doanh thu khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>912.806.608.595</b>	<b>848.789.268.145</b>

**24 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng	842.351.183.167	824.313.962.286
Doanh thu thuần về kinh doanh bất động sản	54.712.648.031	12.492.079.703
Doanh thu thuần về cho thuê nhà	15.742.777.397	11.983.226.156
<b>Cộng</b>	<b>912.806.608.595</b>	<b>848.789.268.145</b>

**25 . Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Giá vốn hợp đồng xây dựng	842.556.136.136	728.169.675.510
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	52.952.763.426	11.936.372.141
Giá vốn về cho thuê nhà	9.990.541.891	12.126.169.325
<b>Cộng</b>	<b>905.499.441.453</b>	<b>752.232.216.976</b>

**26 . Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
Lãi tiền gửi	6.239.074.104	8.387.790.917
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.239.074.104</b>	<b>8.387.790.917</b>

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**27 . Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền vay	54.980.858.202	17.980.686.175
<b>Cộng</b>	<b>54.980.858.202</b>	<b>17.980.686.175</b>

**28 . Thu nhập khác**

	Năm 2011	Năm 2010
Giảm chi phí bảo hành công trình	99.796.890	-
Thu về tiền điện, nước tại công trình bán cho thầu phụ	393.338.151	-
Thu nhập khác	692.500.729	49.937.165.816
<b>Cộng</b>	<b>1.185.635.770</b>	<b>49.937.165.816</b>

**29 . Chi phí khác**

	Năm 2011	Năm 2010
Chi về tiền điện, nước tại công trình bán cho thầu phụ	513.494.524	-
Khấu hao tài sản cố định chưa sử dụng	788.306.977	-
Chi phí khác	3.395.825.041	50.448.465.118
<b>Cộng</b>	<b>4.697.626.542</b>	<b>50.448.465.118</b>

**30 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2011	Năm 2010
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(85.880.601.544)</b>	<b>32.009.138.302</b>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(85.880.601.544)	32.009.138.302
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	35.000.000	20.895.890
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(2.454)</b>	<b>1.532</b>

**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
Hội đồng quản trị, ban giám đốc	Tiền lương và thu lao	2.408.852.193
Ban kiểm soát	Tiền lương và thu lao	368.923.510

**2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

**2.1 Các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ biểu quyết
1. Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	Cổ đông sáng lập	24,89%
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí - Indico Long Sơn	Cổ đông sáng lập	8,14%
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cổ đông sáng lập	7,5%
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	Cổ đông sáng lập	7,43%
6. Công ty Cổ phần Dầu khí Nha Trang	Công ty nhận vốn góp	10,12%
7. Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Công ty nhận vốn góp	10,84%

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Giá trị và nội dung các giao dịch liên quan**

<b>2.2 Các bên liên quan</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
1. Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	Nhận tiền vay	182.985.695.547
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí - Indico Long Sơn	Cung cấp sản phẩm xây lắp	28.368.571.847
3. Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cung cấp sản phẩm xây lắp	165.744.673.298
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	Cung cấp sản phẩm xây lắp	102.893.979.701
6. Công ty Cổ phần Dầu khí Nha Trang	Cung cấp sản phẩm xây lắp	14.069.198.000
7. Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Nhận sản lượng xây lắp	436.350.312

**2.3 Số dư các bên liên quan**

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Phải thu (Phải trả)</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
1. Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	Phải trả	179.912.859.769
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí - Indico Long Sơn	Phải trả	36.998.028.084
3. Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Phải thu	89.514.258.890
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	Phải thu	13.915.033.516
6. Công ty Cổ phần Dầu khí Nha Trang	Phải thu	1.305.961.700
7. Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Phải trả	271.992.583

**3. Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2011, Công ty có công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản lưu động là 75.857.970.604 đồng. Điều này dẫn tới nghi ngờ của Kiểm toán viên về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty đã đánh giá và khẳng định rằng khả năng thanh toán đã được cải thiện trong năm 2012. Do đó Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty được Ban giám đốc lập dựa trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.



Giám đốc

Phan Chí Trung

TP. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Lương Thị Mai Hương

Người lập biểu

Võ Phạm Như Nguyệt